

Số: 30-24/TB-DSG-TS
V/v Thông báo tuyển sinh - Số 01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2024 - 2025

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo đại học. Chỉ tiêu dự kiến 2.400 chỉ tiêu. Trường tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy trong thời gian 04 năm. Số tín chỉ trong chương trình đào tạo: ≥ 150 tín chỉ đối với bằng cấp kỹ sư và ≥ 120 tín chỉ đối với bằng cấp cử nhân. Kết thúc khóa học, sinh viên được cấp văn bằng tốt nghiệp kỹ sư, hoặc cử nhân đại học chính quy trong hệ thống văn bằng quốc gia. Thông tin chi tiết ghi trong Đề án tuyển sinh đại học của trường.

I. Thông tin chung của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

- Tên trường: **Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn**
Tên tiếng Anh: SAIGON TECHNOLOGY UNIVERSITY (Viết tắt: STU)
- Mã trường tuyển sinh: **DSG**
- Địa chỉ trụ sở chính: **180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Địa chỉ Văn phòng Tuyển sinh: Phòng 105 Khu C - Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://www.stu.edu.vn/>
- Địa chỉ trang Tuyển sinh đại học: <http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.38505520 (số nội bộ: 106; 107; 109; 116; 115)
Số điện thoại đường dây nóng: 0902.992306
- Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):
 - Mail Văn phòng Tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn
 - Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn

II. Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành và chuyên ngành xét tuyển năm 2024:

- Chỉ tiêu tuyển sinh phân bố theo phương thức xét tuyển:**
 - 60% chỉ tiêu dành cho việc xét tuyển bằng học bạ theo ba phương thức;
 - 35% chỉ tiêu dành cho việc xét bằng kết quả thi trung học phổ thông (THPT) năm 2024;
 - 05% chỉ tiêu dành cho việc xét bằng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐGNL_ĐHQG TP.HCM) năm 2024.
- Ngành, chuyên ngành xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:**

Bảng 01: Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 theo ngành và phương thức (dự kiến)

| Lĩnh vực - ngành - chuyên ngành | Mã ngành | Tổng chỉ tiêu (dự kiến) | Phân bố chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến) | | | | | |
|---------------------------------|----------|-------------------------|---------------------------------------|-------|-------|-------|-------|--|
| | | | PT_01 | PT_02 | PT_03 | PT_04 | PT_05 | |
| | | | 20% | 20% | 20% | 35% | 5% | |
| Lĩnh vực Thiết kế, mỹ thuật | | | | | | | | |
| Thiết kế công nghiệp (TKCN) | 7210402 | 250 | 50 | 50 | 50 | 88 | 12 | |
| - Thiết kế Sản phẩm | | | | | | | | |
| - Thiết kế Thời trang | | | | | | | | |

| Lĩnh vực - ngành – chuyên ngành | Mã ngành | Tổng chỉ tiêu (dự kiến) | Phân bố chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến) | | | | |
|---|----------|-------------------------|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| | | | PT_01 | PT_02 | PT_03 | PT_04 | PT_05 |
| | | | 20% | 20% | 20% | 35% | 5% |
| – Thiết kế Đồ họa | | | | | | | |
| – Thiết kế Nội thất | | | | | | | |
| Lĩnh vực Kinh tế, quản lý | | | | | | | |
| Quản trị kinh doanh (QTKD) | 7340101 | 550 | 110 | 110 | 110 | 193 | 27 |
| – Quản trị Kinh doanh Tổng hợp | | | | | | | |
| – Quản trị Marketing | | | | | | | |
| – Quản trị Tài chính | | | | | | | |
| – Quản trị Chuỗi cung ứng | | | | | | | |
| Lĩnh vực Kỹ thuật, công nghệ | | | | | | | |
| Công nghệ thông tin | 7480201 | 1200 | 240 | 240 | 240 | 420 | 60 |
| Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 7510203 | 80 | 16 | 16 | 16 | 28 | 4 |
| – Công nghệ Cơ điện tử | | | | | | | |
| – Công nghệ Robot và trí tuệ nhân tạo | | | | | | | |
| Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 7510301 | 80 | 16 | 16 | 16 | 28 | 4 |
| – Điều khiển và tự động hóa | | | | | | | |
| – Điện công nghiệp và cung cấp điện | | | | | | | |
| Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông | 7510302 | 80 | 16 | 16 | 16 | 28 | 4 |
| – Điện tử Viễn thông | | | | | | | |
| – Mạng máy tính | | | | | | | |
| – Thiết kế vi mạch (dự kiến mở năm 2024) | | | | | | | |
| Công nghệ thực phẩm | 7540101 | 80 | 16 | 16 | 16 | 28 | 4 |
| – Công nghệ Thực phẩm | | | | | | | |
| – Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm | | | | | | | |
| Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | 80 | 16 | 16 | 16 | 28 | 4 |
| – Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | | | | | | |
| – Quản lý xây dựng | | | | | | | |
| Tổng cộng | | 2400 | 480 | 480 | 480 | 841 | 119 |

III. Phương thức tuyển sinh:

[1] Phương thức xét tuyển: Có 05 phương thức xét tuyển

- Phương thức 01: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 3 học kỳ (Học kỳ 1, học kỳ 2 của năm lớp 11; và học kỳ 1 của năm lớp 12).
- Phương thức 02: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 5 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 10; học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 11; và học kỳ 1 của năm lớp 12).
- Phương thức 03: Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển.
- Phương thức 04: Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển.
- Phương thức 05: Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi ĐGNL_ĐHQG TP.HCM năm 2024.

[2] Phương thức, tổ hợp xét tuyển theo ngành:

(a) Phương thức 01:

- Mã phương thức: 200; mã tổ hợp xét tuyển: H3K.
- Điểm sàn xét tuyển: $\geq 18,0$ điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng học bạ lấy điểm 3 học kỳ. Tổ hợp xét tuyển chung cho tất cả các ngành:
 - + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 11 THPT;
 - + Điểm trung bình học kỳ 2 lớp 11 THPT;
 - + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 THPT.

(b) Phương thức 02:

- Mã phương thức: 200; mã tổ hợp xét tuyển: H5K.
- Điểm sàn xét tuyển: $\geq 18,0$ điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng học bạ lấy điểm 5 học kỳ. Tổ hợp xét tuyển chung cho tất cả các ngành:
 - + Điểm trung bình cả năm lớp 10 THPT;
 - + Điểm trung bình cả năm lớp 11 THPT;
 - + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 THPT.

(c) Phương thức 03:

- Mã phương thức: 200; mã tổ hợp theo ngành
- Điểm sàn xét tuyển: $\geq 18,0$ điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp xét tuyển thay đổi theo từng ngành ghi tại Bảng 02 và Bảng 03.

Bảng 02: Tổ hợp xét tuyển của phương thức 03 theo ngành

| Ngành xét tuyển | Mã ngành | Tổ hợp xét tuyển của Phương thức 03 | | | |
|-------------------------|----------|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|
| | | Tổ hợp 01 | Tổ hợp 02 | Tổ hợp 03 | Tổ hợp 04 |
| Thiết kế Công nghiệp | 7210402 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - LY - HO | VA - LY - NN |
| Quản trị Kinh doanh | 7340101 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | VA - SU - NN | TO - LY - HO |
| Công nghệ Thông tin | 7480201 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - VA - LY | TO - LY - HO |
| CNKT Cơ điện tử | 7510203 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - HO - NN | TO - LY - HO |
| CNKT Điện, điện tử | 7510301 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - HO - NN | TO - LY - HO |
| CNKT Điện tử viễn thông | 7510302 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - HO - NN | TO - LY - HO |
| Công nghệ Thực phẩm | 7540101 | TO - HO - NN | TO - SI - NN | TO - HO - SI | TO - LY - HO |
| Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - HO - NN | TO - LY - HO |

Bảng 03: Mã tổ hợp xét tuyển tương ứng với ngoại ngữ dùng xét tuyển theo phương thức 03

| STT | Tổ hợp xét tuyển | | Mã tổ hợp tương ứng với môn ngoại ngữ dùng xét tuyển | | | | | |
|-----|-------------------------|--------------|--|-----------|-----------|------------|------------|-------------|
| | | | Tiếng Anh | Tiếng Đức | Tiếng Nga | Tiếng Nhật | Tiếng Pháp | Tiếng Trung |
| | Tổ hợp môn: | Viết tắt | N1 | N5 | N2 | N6 | N3 | N4 |
| 01 | Toán - Văn - Ngoại ngữ | TO - VA - NN | D01 | D05 | D02 | D06 | D03 | D04 |
| 02 | Toán - Lý - Ngoại ngữ | TO - LY - NN | A01 | D26 | D27 | D28 | D29 | D30 |
| 03 | Toán - Hóa - Ngoại ngữ | TO - HO - NN | D07 | D21 | D22 | D23 | D24 | D25 |
| 04 | Toán - Sinh - Ngoại ngữ | TO - SI - NN | D08 | D31 | D32 | D33 | D34 | D35 |
| 05 | Toán - KHTN - Ngoại ngữ | TO - TN - NN | D90 | D92 | D93 | D94 | D91 | D95 |
| 06 | Toán - Văn - Lý | TO - VA - LY | C01 | C01 | C01 | C01 | C01 | C01 |
| 07 | Toán - Lý - Hóa | TO - LY - HO | A00 | A00 | A00 | A00 | A00 | A00 |
| 08 | Toán - Hóa - Sinh | TO - HO - SI | B00 | B00 | B00 | B00 | B00 | B00 |

| STT | Tổ hợp xét tuyển | | Mã tổ hợp tương ứng với môn ngoại ngữ dùng xét tuyển | | | | | |
|-----|------------------------|--------------|--|-----------|-----------|------------|------------|-------------|
| | | | Tiếng Anh | Tiếng Đức | Tiếng Nga | Tiếng Nhật | Tiếng Pháp | Tiếng Trung |
| | Tổ hợp môn: | Viết tắt | N1 | N5 | N2 | N6 | N3 | N4 |
| 09 | Văn - Lý - Ngoại ngữ | VA - LY - NN | D11 | D51 | D52 | D53 | D54 | D55 |
| 10 | Văn - Sử - Ngoại ngữ | VA - SU - NN | D14 | D61 | D62 | D63 | D64 | D65 |
| 11 | Văn - KHTN - Ngoại ngữ | VA - TN - NN | D72 | D73 | D74 | D75 | D76 | D77 |
| 12 | Văn - KHXH - Ngoại ngữ | VA - XH - NN | D78 | D79 | D80 | D81 | D82 | D83 |

(d) Phương thức 04:

- Mã phương thức: 100
- Điểm sàn xét tuyển chưa xác định (thông báo sau); thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp xét tuyển thay đổi theo từng ngành ghi tại Bảng 04 và Bảng 05.

Bảng 04: Tổ hợp xét tuyển của phương thức 04 theo ngành

| Ngành xét tuyển | Mã ngành | Tổ hợp xét tuyển của Phương thức 04 | | | |
|-------------------------|----------|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|
| | | Tổ hợp 01 | Tổ hợp 02 | Tổ hợp 03 | Tổ hợp 04 |
| Thiết kế Công nghiệp | 7210402 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | VA - XH - NN | VA - TN - NN |
| Quản trị Kinh doanh | 7340101 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | VA - XH - NN | TO - LY - HO |
| Công nghệ Thông tin | 7480201 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - VA - LY | TO - LY - HO |
| CNKT Cơ điện tử | 7510203 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - TN - NN | TO - LY - HO |
| CNKT Điện, điện tử | 7510301 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - TN - NN | TO - LY - HO |
| CNKT Điện tử viễn thông | 7510302 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - TN - NN | TO - LY - HO |
| Công nghệ Thực phẩm | 7540101 | TO - VA - NN | TO - SI - NN | TO - HO - SI | TO - LY - HO |
| Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | TO - VA - NN | TO - LY - NN | TO - TN - NN | TO - LY - HO |

Bảng 05: Mã tổ hợp xét tuyển tương ứng với ngoại ngữ dùng xét tuyển theo phương thức 04

| STT | Tổ hợp xét tuyển | | Mã tổ hợp tương ứng với môn ngoại ngữ dùng xét tuyển | | | | | |
|-----|-------------------------|--------------|--|-----------|-----------|------------|------------|-------------|
| | | | Tiếng Anh | Tiếng Đức | Tiếng Nga | Tiếng Nhật | Tiếng Pháp | Tiếng Trung |
| | Tổ hợp môn | Viết tắt | N1 | N5 | N2 | N6 | N3 | N4 |
| 01 | Toán - Văn - Ngoại ngữ | TO - VA - NN | D01 | D05 | D02 | D06 | D03 | D04 |
| 02 | Toán - Lý - Ngoại ngữ | TO - LY - NN | A01 | D26 | D27 | D28 | D29 | D30 |
| 03 | Toán - Hóa - Ngoại ngữ | TO - HO - NN | D07 | D21 | D22 | D23 | D24 | D25 |
| 04 | Toán - Sinh - Ngoại ngữ | TO - SI - NN | D08 | D31 | D32 | D33 | D34 | D35 |
| 05 | Toán - KHTN - Ngoại ngữ | TO - TN - NN | D90 | D92 | D93 | D94 | D91 | D95 |
| 06 | Toán - Văn - Lý | TO - VA - LY | C01 | C01 | C01 | C01 | C01 | C01 |
| 07 | Toán - Lý - Hóa | TO - LY - HO | A00 | A00 | A00 | A00 | A00 | A00 |
| 08 | Toán - Hóa - Sinh | TO - HO - SI | B00 | B00 | B00 | B00 | B00 | B00 |
| 09 | Văn - Lý - Ngoại ngữ | VA - LY - NN | D11 | D51 | D52 | D53 | D54 | D55 |
| 10 | Văn - Sử - Ngoại ngữ | VA - SU - NN | D14 | D61 | D62 | D63 | D64 | D65 |
| 11 | Văn - KHTN - Ngoại ngữ | VA - TN - NN | D72 | D73 | D74 | D75 | D76 | D77 |
| 12 | Văn - KHXH - Ngoại ngữ | VA - XH - NN | D78 | D79 | D80 | D81 | D82 | D83 |

Đối với phương thức 04 - Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024, thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - chứng chỉ IELTS để xét quy đổi thành điểm xét tuyển của môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển: Chứng chỉ IELTS phải là IELTS Academic (học thuật); phải còn trong thời hạn 02 năm tính đến ngày xét tuyển; và điểm quy đổi được xét tương đương như sau:

| | | | |
|---|-----|-----|-----------|
| Điểm IELTS Academic (Thang điểm 9,0) | 5,0 | 5,5 | 6,0 – 9,0 |
| Điểm ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển (Thang điểm 10,0) | 8,0 | 9,0 | 10,0 |

(e) Phương thức 05:

- Mã phương thức: 402; mã tổ hợp: NL1
- Điểm sàn xét tuyển: $\geq 550,0$ điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 1.200 điểm.
- Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi ĐGNL_ĐHQG TP.HCM năm 2024. Tổ hợp xét tuyển chung cho các ngành là Điểm bài thi ĐGNL_ĐHQG TP.HCM năm 2024.

[3] **Công thức xét tuyển chung:** Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non, mức điểm ưu tiên được tính theo tổng điểm xét chưa cộng ưu tiên của thí sinh.

Bảng 06: Công thức xét tuyển theo tổng điểm xét chưa ưu tiên.

| Nội dung | Trường hợp 01 | |
|--|--|--|
| | $M_{TC} < 22,5$ điểm; hoặc $M_{TC} < 900$ điểm | $M_{TC} \geq 22,5$ điểm; hoặc $M_{TC} \geq 900$ điểm |
| Đối tượng áp dụng | Thí sinh có tổng điểm đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm đối với phương thức xét tuyển PT01, PT02, PT03 và PT04; hay, nhỏ hơn 900 điểm đối với PT05. | Thí sinh có tổng điểm đạt được bằng hoặc lớn hơn 22,5 điểm đối với phương thức xét tuyển PT01, PT02, PT03 và PT04; hay, bằng hoặc lớn hơn 900 điểm đối với PT05. |
| Tổng điểm đạt được chưa cộng điểm ưu tiên M_{TC} | $M_{TC} = M_1 + M_2 + M_3$ | $M_{TC} = M_1 + M_2 + M_3$ |
| Mức điểm ưu tiên M_{UT} | $M_{UT} = M_{UT_{KV}} + M_{UT_{ĐT}}$ | $M_{UT} = M_{UT_{KV}} + M_{UT_{ĐT}}$ |
| Điểm xét tuyển M_{XT} | $M_{XT} = M_{TC} + M_{UT}$ Diễn giải: Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + Mức điểm ưu tiên | $M_{XT} = M_{TC} + [(30 - M_{TC})/7,5] \times M_{UT}$ Diễn giải: Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times$ Mức điểm ưu tiên |

- Quy ước ký hiệu:
 - + M_{XT} : Điểm xét tuyển (Điểm tổng dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên);
 - + M_{TC} : Tổng điểm đạt được (chưa cộng điểm ưu tiên);
 - + M_1 ; M_2 và M_3 : Lần lượt là điểm thành phần trong tổ hợp xét tuyển;
 - + M_{UT} : Mức điểm ưu tiên;
 - + $M_{UT_{KV}}$: Điểm ưu tiên khu vực;
 - + $M_{UT_{ĐT}}$: Điểm ưu tiên đối tượng;
- Lưu ý:
 - + Thí sinh chỉ được cộng điểm ưu tiên khu vực (nếu có) khi tốt nghiệp THPT năm 2023, hoặc năm 2024.
 - + Mức điểm ưu tiên được xác định theo quy chế tuyển sinh và phải quy đổi từ điểm tổng 30,0 điểm (chung) sang điểm tổng khác điểm theo tỷ lệ tương ứng nếu thang điểm của M_{TC} khác 30,0 điểm.

- Cách thức xét tuyển: Xét điểm M_{XT} theo tiêu chí từ điểm cao xuống thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu; không phân biệt tổ hợp xét tuyển.

[4] Chính sách cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh:

- Áp dụng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Bộ GD&ĐT quy định trong quy chế tuyển sinh hàng năm. Kể từ năm 2023, thí sinh chỉ được cộng điểm ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc, tương đương) và một năm liền kề kế tiếp. Áp dụng cho tuyển sinh năm 2024, thí sinh tốt nghiệp năm 2023 và 2024 được cộng điểm ưu tiên khu vực (nếu có); tốt nghiệp trước năm 2023 không được cộng điểm ưu tiên khu vực.
- Đối với tổng điểm xét tuyển là 30 điểm, mỗi khu vực ưu tiên cách nhau 0,25 điểm; mỗi đối tượng ưu tiên cách nhau 1,0 điểm.
- Quy đổi điểm ưu tiên theo tỷ lệ tương ứng từ thang điểm 30 đến thang điểm khác theo từng phương thức xét tuyển. Cụ thể như sau:

Bảng 07: Điểm ưu tiên cho từng đối tượng, khu vực theo phương thức xét tuyển.

| Phương thức xét tuyển | Tổng điểm xét (chưa cộng ưu tiên) | Điểm ưu tiên | |
|-----------------------|-----------------------------------|--------------|------------|
| | | Khu vực | Đối tượng |
| Phương thức 01 | 30 điểm | 00,25 điểm | 01,00 điểm |
| Phương thức 02 | 30 điểm | 00,25 điểm | 01,00 điểm |
| Phương thức 03 | 30 điểm | 00,25 điểm | 01,00 điểm |
| Phương thức 04 | 30 điểm | 00,25 điểm | 01,00 điểm |
| Phương thức 05 | 1.200 điểm | 10,00 điểm | 40,00 điểm |

- Mức điểm ưu tiên được tính theo trường hợp 01, hoặc trường hợp 02 quy định tại Bảng 06.

[5] Phương thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển trong đợt xét tuyển sớm và đợt xét tuyển bổ sung:
 - Cách nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thí sinh có thể nộp hồ sơ bằng một trong ba cách sau: Trực tiếp; trực tuyến; hoặc gửi qua đường bưu điện trong thời gian quy định.
 - + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng Tuyển sinh trường;
 - + Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website <http://www.stu.edu.vn> – mục: Thông tin tuyển sinh đại học;
 - + Gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển qua đường bưu điện;
 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu, tải từ website của trường);
 - + Chứng minh nhân dân; hoặc Thẻ căn cước công dân (bản sao có chứng thực);
 - + Chứng nhận ưu tiên khu vực và đối tượng tuyển sinh (nếu có);
 - + Bằng tốt nghiệp THPT nếu tốt nghiệp trước năm 2024 (hoặc, tương đương); Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT nếu tốt nghiệp năm 2024 (hoặc, tương đương) (bản sao có chứng thực);
 - + Tùy theo từng phương thức xét tuyển, thí sinh phải nộp giấy tờ minh chứng cho kết quả học tập/kỳ thi mà thí sinh dùng để xét tuyển:
 - Học bạ THPT (đối với phương thức 01, 02 và 03);
 - Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (phương thức 04);
 - Phiếu báo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2024 (phương thức 05).
 - + Bì thư có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của người nhận là thí sinh, hoặc người nhận thay thí sinh.
 - Lệ phí xét tuyển: Không thu lệ phí xét tuyển trong đợt xét tuyển sớm.

- (b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển trong đợt 1 thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT:
- Cách nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh (HTTS) của Bộ GDĐT năm 2024. Website: <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/>
 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến và nộp lệ phí xét tuyển theo hướng dẫn của hệ thống.

IV. Lịch tuyển sinh: Chia làm các đợt chính

- Đợt xét tuyển thẳng;
- Đợt xét tuyển sớm;
- Xét tuyển đợt 01 trên HTTS của Bộ GDĐT;
- Xét tuyển bổ sung (nếu có).

Bảng 08: Lịch công tác tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

| STT | Nội dung thực hiện | Đơn vị, cá nhân thực hiện | Đơn vị, cá nhân phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|---------------------------|--------------------------|---|
| I | Tổ chức xét tuyển thẳng | | | |
| 1 | – Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về trường theo đường bưu điện; hoặc, nộp trực tiếp tại trường. | Thí sinh | Trường | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| 2 | – Xét tuyển và thông báo kết quả cho thí sinh. – Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT (HTTS của Bộ GDĐT) | Trường | Thí sinh, Sở GDĐT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| 3 | – Thí sinh xét tuyển thẳng được trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên HTTS của Bộ GDĐT (nếu có) | Thí sinh | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| II | Tổ chức xét tuyển sớm | | | |
| 1 | <p>Đăng ký xét tuyển sớm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các phương thức nhận đăng ký xét tuyển sớm: <ul style="list-style-type: none"> ○ Phương thức 01: Xét tuyển bằng học bạ 3 học kỳ; ○ Phương thức 02: Xét tuyển bằng học bạ 5 học kỳ; ○ Phương thức 03: Xét tuyển bằng học bạ lớp 12; ○ Phương thức 05: Xét tuyển bằng điểm thi ĐGNL_ĐHQG TP.HCM. – Đợt đăng ký xét tuyển sớm (ĐK_XTS): <ul style="list-style-type: none"> ○ Đợt ĐK_XTS_01: 11/03/2024 – 12/04/2024 ⇒ Thông báo kết quả ngày 19/04/2024. ○ Đợt ĐK_XTS_02: 15/04/2024 – 17/05/2024 ⇒ Thông báo kết quả ngày 24/05/2024. ○ Đợt ĐK_XTS_03: 20/05/2024 – 21/06/2024 ⇒ Thông báo kết quả ngày 28/06/2024. – Cách thức nộp hồ sơ xét tuyển sớm: <ul style="list-style-type: none"> ○ Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển sớm về trường theo đường bưu điện; nộp trực tiếp tại trường; hoặc, đăng ký trực tuyến trên Website STU: https://stu.edu.vn. ○ Ngoài ra, thí sinh có thể đăng ký xét tuyển sớm vào trường trên website của kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức khi thí sinh đăng ký dự thi – áp dụng với Phương thức 05 xét điểm thi ĐGNL. Website: https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn – Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm theo ngành, phương thức và tổ hợp tại trường: <ul style="list-style-type: none"> ○ Thí sinh phải cung cấp đầy đủ thông tin cần để xét tuyển: <ul style="list-style-type: none"> * Điền phiếu nếu nộp trực tiếp, gửi qua bưu điện; * Điền thông tin trên trang đăng ký xét tuyển nếu xét tuyển trực tuyến. | Thí sinh | Trường | <p>Từ ngày 11/03/2024 đến 17 giờ 00 ngày 21/06/2024 chia 03 đợt XTS.</p> <p>Điểm chuẩn đợt sau \geq đợt trước.</p> |

| STT | Nội dung thực hiện | Đơn vị, cá nhân thực hiện | Đơn vị, cá nhân phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----|---|---|--------------------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> ○ Thí sinh phải cung cấp hồ sơ minh chứng cho việc khai báo. | | | |
| 2 | <p>Xét trúng tuyển có điều kiện của đợt xét tuyển sớm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xét trúng tuyển có điều kiện và thông báo kết quả xét tuyển sớm cho thí sinh. <ul style="list-style-type: none"> ○ Thông báo kết quả đợt ĐK_XTS_01: Ngày 19/04/2024. ○ Thông báo kết quả đợt ĐK_XTS_02: Ngày 24/05/2024. ○ Thông báo kết quả đợt ĐK_XTS_03: Ngày 28/06/2024. - Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển có điều kiện trong kỳ xét tuyển sớm lên website STU. - Thí sinh tra cứu kết quả đợt xét tuyển sớm trên website STU. | Trường | Thí sinh | <p><u>Lần thứ nhất</u> Ngày 19/04/2024</p> <p><u>Lần thứ hai</u> Ngày 24/05/2024</p> <p><u>Lần thứ ba</u> Ngày 28/06/2024</p> |
| 3 | <p>Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển có điều kiện trong kỳ xét tuyển sớm lên HTTS của Bộ GDĐT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành công tác xét tuyển sớm. - Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển có điều kiện trong kỳ xét tuyển sớm lên HTTS của Bộ GDĐT. Ở mỗi ngành, thí sinh chỉ trúng tuyển bằng một phương thức duy nhất (HĐTS trường sẽ lựa chọn phương thức trúng tuyển có lợi nhất cho thí sinh khi đưa danh sách trúng tuyển có điều kiện lên HTTS của Bộ GDĐT). | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| III | Đăng ký xét tuyển trên HTTS của Bộ GDĐT – Đợt 1 | | | |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sở GDĐT cấp tài khoản bổ sung cho thí sinh tự do chưa có tài khoản đăng ký xét tuyển trên HTTS của Bộ GDĐT (thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024, tốt nghiệp tương đương THPT). | Sở GDĐT, Thí sinh | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| 2 | <p>Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên HTTS Bộ GDĐT. <ul style="list-style-type: none"> ○ Mã tuyển sinh của trường: DSG ○ Đăng ký không giới hạn số lần trong thời gian quy định. ○ Thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành. - Đối tượng đăng ký xét tuyển trên HTTS Bộ GDĐT: <ul style="list-style-type: none"> ○ Thí sinh thuộc danh sách thí sinh trúng tuyển có điều kiện trong đợt xét tuyển sớm của trường đối với các Phương thức 01, 02, 03 và 05 (<i>thí sinh trúng tuyển có điều kiện trong đợt xét tuyển sớm</i>). ○ Thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường theo tất cả các phương thức xét tuyển Phương thức 01, 02, 03, 04 và 05 (<i>thí sinh đăng ký xét tuyển mới</i>). - Thí sinh đăng nhập vào HTTS Bộ GDĐT sẽ thấy được: <ul style="list-style-type: none"> ○ Danh sách các nguyện vọng mà thí sinh đã trúng tuyển có điều kiện vào các trường trong đợt xét tuyển sớm; ○ Công cụ để đăng ký xét tuyển. - Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển chính thức trên HTTS của Bộ GDĐT: <ul style="list-style-type: none"> ○ Đăng ký nguyện vọng theo các ngành của trường (Mã trường DSG); hoặc, chọn lựa đăng ký vào trường khác (nếu có). ○ Sắp xếp và xác định thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng đã đăng ký theo ngành; bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> * Nguyện vọng mà thí sinh đã trúng tuyển có điều kiện vào trường trong đợt xét tuyển sớm. Mỗi ngành chỉ trúng tuyển bằng một phương thức duy nhất (trường sẽ chọn phương thức trúng tuyển có lợi nhất cho thí sinh khi đưa danh sách trúng tuyển có điều kiện lên HTTS của Bộ GDĐT) * Nguyện vọng đăng ký xét tuyển mới theo các ngành xét | Thí sinh, Trường, Sở GDĐT, Điểm tiếp nhận | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |

| STT | Nội dung thực hiện | Đơn vị, cá nhân thực hiện | Đơn vị, cá nhân phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | tuyển của trường. | | | |
| 3 | – Trường công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên HTTS của Bộ GDĐT và công bố trên website trường. | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| 4 | – Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn ghi trên HTTS của Bộ GDĐT. | Thí sinh, Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| IV | Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung | | | |
| 1 | – Tải dữ liệu thí sinh từ HTTS của Bộ GDĐT: Thông tin xét tuyển; điểm thi tốt nghiệp THPT; kết quả học tập cấp THPT. – Tổ chức xét tuyển. | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| 2 | – Xử lý nguyện vọng trên HTTS của Bộ GDĐT để xác định nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Trường | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| V | Thông báo kết quả và xác nhận nhập học | | | |
| 1 | – Trường thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1. – Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển trên website trường – Mục Thông tin tuyển sinh đại học 2024. – <i>Thí sinh xem, tải và in giấy báo trúng tuyển (dạng file pdf) để làm thủ tục nhập học theo hướng dẫn ghi trong giấy báo.</i> | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT và của trường. |
| 2 | – Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT theo quy chế tuyển sinh. | Thí sinh | Trường, Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT |
| 3 | – Thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học và đóng học phí học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 tại trường. – Thí sinh nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại trường; đóng học phí bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản đến tài khoản trường. – <i>Trong thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT; không nộp hồ sơ nhập học và không đóng học phí sẽ được xem như không có nhu cầu nhập học. Nhà trường sẽ tuyển thí sinh khác thay thế.</i> | Thí sinh | Trường | Theo lịch chung của Bộ GDĐT và của trường. |
| VI | Tổ chức đăng ký và xét tuyển bổ sung (nếu có) | | | |
| 1 | – Trường thông báo tuyển sinh đợt bổ sung (nếu có). | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT và của trường. |
| 2 | – Xét tuyển các đợt tiếp theo (nếu có). ○ <i>Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website trường sau khi hết thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến trên HTTS của Bộ GDĐT.</i> ○ <i>Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển đợt bổ sung về trường theo đường bưu điện; nộp trực tiếp tại trường; hoặc, đăng ký trực tuyến trên website trường.</i> ○ <i>Đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) sẽ kết thúc đăng ký xét tuyển khi trường nhận đủ chỉ tiêu.</i> | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) sẽ kết thúc trước 17 giờ 00 ngày 13/09/2024 để kịp khai giảng khóa mới. |
| 3 | – Trường thông báo thí sinh trúng tuyển đợt bổ sung (nếu có). | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Theo lịch chung của Bộ GDĐT và của trường |
| 4 | – Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học (nếu có) theo quy định. | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Từ Tháng 09/2024 đến Tháng 01/2025 |

| STT | Nội dung thực hiện | Đơn vị, cá nhân thực hiện | Đơn vị, cá nhân phối hợp | Thời gian thực hiện |
|------------|---|---------------------------|--------------------------|-----------------------|
| VII | Báo cáo kết quả tuyển sinh | | | |
| 1 | – Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2024 của trường. | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT | Trước ngày 31/12/2024 |

V. Hồ sơ nhập học khi thí sinh đến trường làm thủ tục trúng tuyển nhập học

[1] **Cách nộp hồ sơ nhập học:** Nộp trực tiếp tại Văn phòng Tuyển sinh trường.

[2] **Thí sinh trúng tuyển chuẩn bị hồ sơ nhập học và sắp xếp theo thứ tự như sau:**

- (1) Hồ sơ sinh viên và phiếu thông tin sinh viên (thí sinh tải file hồ sơ theo mẫu của trường và điền thông tin theo yêu cầu). Mẫu hồ sơ sinh viên và phiếu thông tin sinh viên tại Mục Thông tin tuyển sinh: <http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/>;
- (2) Giấy báo thí sinh đến trường làm thủ tục trúng tuyển nhập học; hoặc, Giấy báo kết quả xét tuyển tuyển sinh đại học năm 2024 (bản chính). Bản scan giấy báo của thí sinh tại mục Tra cứu kết quả tuyển sinh: <http://daotao2.stu.edu.vn/tuyensinh/>;
- (3) Giấy báo kết quả kỳ thi THPT năm 2024 (bản chính) để xác nhận nhập học;
- (4) Giấy báo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024 (bản chính) (đối với trường hợp thí sinh xét tuyển bằng phương thức 05 xét kết quả thi ĐGNL_ĐHQG);
- (5) Học bạ lớp 10, 11 và 12 (bản sao có chứng thực);
- (6) Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời năm 2024; hay Bằng tốt nghiệp THPT, BTVH, TH Nghề (bản sao có chứng thực);
- (7) Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân (bản sao có chứng thực);
- (8) Giấy khai sinh (bản sao hợp lệ);
- (9) Tấm ảnh cỡ 3x4cm (chụp không quá 06 tháng) (thí sinh dán vào phiếu dán ảnh theo mẫu của trường);
- (10) Giấy chứng nhận diện ưu tiên tuyển sinh (nếu có);
- (11) Biên lai thu lệ phí khám sức khỏe (Thí sinh đăng ký khám sức khỏe đầu khóa tại trường và nộp biên lai đăng ký khám sức khỏe chung với hồ sơ);
- (12) Thí sinh đăng ký lưu trú tại ký túc xá sẽ nộp hồ sơ theo hướng dẫn của Ban quản lý ký túc xá. Xem chi tiết tại : <http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/>

VI. Học phí đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

[1] Học phí dự kiến từ 18.755.000 đồng/học kỳ đến 23.595.000 đồng/học kỳ tùy theo ngành.

[2] Một năm có hai học kỳ chính. Học kỳ hè chỉ dành cho việc học lại các môn chưa đạt, học phí học kỳ hè thu theo số tín chỉ đăng ký học lại (nếu có). Học phí các học kỳ từ năm học thứ hai được tính theo số tín chỉ môn học đăng ký. Lộ trình tăng học phí từng năm tối đa là 10%.

[3] Ngoài học phí, sinh viên đóng thêm một số khoản thu khác khi làm thủ tục nhập học: Số tiền chính xác, chi tiết thông báo sau.

- (1) Khám sức khỏe đầu khóa: ≤ 100.000 đồng/người
- (2) Hồ sơ nhập học: 300.000 đồng/sinh viên
- (3) Bảo hiểm y tế (12 tháng): 600.000 – 800.000 đồng/người
- (4) Đồng phục thể dục: 175.000 – 250.000 đồng/bộ.

VII. Chính sách học bổng dành cho tuyển sinh đầu vào:

[1] Nhà trường xây dựng chính sách học bổng dành cho tuyển sinh.

- [2] Các loại học bổng dành cho tuyển sinh đầu vào: (1) Học bổng khuyến khích dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển, làm thủ tục nhập học và đóng học phí sớm; (2) Học bổng dành cho thủ khoa đầu vào; (3) Học bổng dành cho sinh viên nhập học có điểm đầu vào cao; (4) Và, một số học bổng khác.
- [3] Giá trị học bổng có thể từ 20% học phí học kỳ 1 năm thứ nhất đến 100% học phí 04 năm học (kèm theo đó là một số điều kiện để được nhận và duy trì học bổng).
- [4] Học bổng được xét dựa trên điểm tổng xét chưa ưu tiên của thí sinh trúng tuyển và nhập học năm thứ nhất. Nhà trường ưu tiên xét học bổng cho những thí sinh xét trúng tuyển chính thức trong đợt 01.

Trên đây là thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Nơi nhận:

- Hội đồng Tuyển sinh;
- Trang thông tin điện tử website;
- Các đơn vị của trường;
- Lưu P.HCQT; P.ĐT; NP (5)



BẮC
...
IAO

